TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:103 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 07 năm 2020
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đàn

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Cao Thị Nhung **-** Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/05/2020 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXX-ST ngày 23/06/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T ; Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn C , xã TL, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trương Văn T h; Sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn M , xã T L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án T trình bày:

Chị T và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Lâm năm 2012. Anh chị sống hạnh phúc được 01 thời gian đầu thì vợ chồng mâu thuẫn. Theo chị T do anh T không quan tâm vợ con nên anh chị mâu thuẫn và rạn nứt tình cảm. Anh T đã có lần đánh đập chị T , vợ chồng càng mâu thuẫn gay gắt. Năm 2017 chị T gửi con cho bố mẹ đẻ và đi làm công ty và vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T không còn tình cảm vợ chồng và mong được ly hôn.

Về con chung : Chị T và anh T có 01con chung là cháu Trương Quốc C sinh ngày 30/7/2013 khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn: Anh T trình bày anh và chị T tự nguyện lấy nhau như chị T trình bày là đúng.

Do kinh tế khó khăn anh T đồng ý để chị T đi làm công ty, vợ chồng xa nhau nên mâu thuẫn nhưng anh T không muốn ly hôn vì muốn cho con một gia đình có cả bố và mẹ. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì Anh T muốn được nuôi con chung là cháu Trương Quốc C g và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản; Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung : Các đương sự trình bày không có.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử: Chị T và anh T đều có đơn xin xử vắng mặt vì lý do bận không tham gia phiên tòa được và giữ nguyên ý kiến như trong bản tự khai và biên bản hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX xử cho chị T ly hôn anh T và giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. 2008 anh chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa năm 2012 nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng. Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Trương Văn T

[4].*Về con chung*. Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Trương Quốc C sinh ngày 30 /07/2013. Lâu nay cháu đang ở với chị T . HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Quốc C cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có

[5]. *Về án phí:* Chị T có đơn xin miến án phí vì sống ở vùng đặc biệt khó khăn.

Căn cứ quy định tại Quyết định 414 /QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 chị T cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn.

Căn cứ điểm d khoan 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chi Bùi Thị T .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng:

.-Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đì

-Căn cứ quy định tại Quyết định 414 /QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 chị Trang cư trú tại vùng đặc biệt khóa khưn.

-Căn cứ điểm d khoan 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T . Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trương Văn T .

3. Về con chung: Giao cháu Trương Quốc C , sinh ngày 30/ 07/2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Anh Trương Văn Thành có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. *Về án phí*: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chi Bùi Thị T. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có vắng mặt các đương, Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn,
…….
- Lưu

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên